

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 10 - 2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Hoàng Hải;

2. Nguyễn Xuân Quỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 216/2019/TBXX.ST ngày 09/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, TP. C.

(Có đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, TP. C.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P trình bày: Do quen biết và yêu nhau, nên chị Nguyễn

Thị P và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 21/7/2005. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2010, anh S có người phụ nữ khác, nên đã bỏ vợ con, chị P và anh S đã sống ly thân cách nay khoảng 09 năm. Nay, do thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên chị P xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị P và anh S có 03 con chung là Nguyễn Ngọc H(nữ), sinh ngày 25/9/1997; Nguyễn Ngọc D (nam), sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/11/2001. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Ngọc S, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị P và anh S vắng mặt, nên Hội đồng xét xử công bố các lời khai của của chị P và ý kiến của các con chung của chị P và anh S, đã được ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về sự có mặt khi được Tòa án triệu tập. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh S.

Về con chung: Nguyễn Ngọc H(nữ), sinh ngày 25/9/1997 đã trưởng thành, nên không xem xét; đối với các con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc D (nam), sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/11/2001. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, 02 cháu D và N có

nguyện vọng sống cùng chị P, nên đề nghị giao cháu D và N cho chị P nuôi dưỡng. Chị P không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên công nhận.

Về Tài sản chung và nợ chung: Do anh S vắng mặt, không có ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách thành vụ án khác để giải quyết khi có tranh chấp hoặc có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Ngọc S, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị P có đơn xin ly hôn với anh S, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Ngọc S, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ Nều lần, nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P và anh S theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Ngọc S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Như lời trình bày của chị P nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh S có người phụ nữ khác, nên vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 09 năm. Bản thân anh S, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu của chị P. Chứng tỏ, anh S không quan tâm và có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh S đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên, yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyễn Ngọc H(nữ), sinh ngày 25/9/1997 đã trưởng

thành, nên không xem xét; đối với các con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc D (nam), sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/11/2001. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu N, bản thân cháu D và N cũng có nguyện vọng sống cùng chị P, nên giao các D và N cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên công nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho cho anh S không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh S vắng mặt, không có ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách thành vụ án khác để giải quyết khi có tranh chấp hoặc có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Nguyễn Ngọc S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc D (nam), sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/11/2001 đến tuổi trưởng thành. Chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết khi các đương sự có tranh chấp hoặc có yêu cầu.

Về án phí: Chị P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 001597 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc án án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt